TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 5 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Em.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Tự.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Công Trận là Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Phi Y, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Y có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2021 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẽ nhau, yêu thương nhau trong cuộc sống, nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh và chị Y đã không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Anh nhận thấy không còn tình cảm với

chị Y nữa nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Quốc A (giới tính: Nam), sinh ngày 22/9/2018, hiện con chung đang sống với chị Y, anh thống nhất giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Y đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, anh T và chị Y đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: bị đơn trong vụ án là chị Lê Thị Phi Y có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Trần Quốc T là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Lê Thị Phi Y là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Phi Y tiến đến hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh T và chị Y phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẽ nhau trong cuộc sống. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, anh chị đã không còn sống chung thời gian dài. Anh T yêu cầu ly hôn, chị Y chưa thể hiện ý kiến nhưng chị bỏ mặc không đến Tòa giải quyết việc ly hôn, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh chị đối với nhau cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Toà chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Y.

[5] *Về con chung:* anh T và chị Y 01 con chung tên Trần Quốc A (giới tính: Nam), sinh ngày 22/9/2018, hiện đang sống với chị Y. Tòa xét thấy: anh T không yêu cầu được quyền nuôi con mà thống nhất giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Quốc A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Quốc A cho chị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng:* theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên do chưa có yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Quốc T được ly hôn với chị Lê Thị Phi Y.

2. Về con chung: giao cháu Trần Quốc A (giới tính: Nam), sinh ngày 22/9/2018 cho chị Lê Thị Phi Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc anh Trần Quốc T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0007743 ngày 10/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Em